

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2021/HNGĐ-ST
Ngày 21-9-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Hữu Hường

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Tâm

Bà Phạm Thị Khanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Viết Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2021/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 62/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lương Thị D; ĐKKHKT: Thôn Đ, xã D, huyện V, thành phố H; chỗ ở hiện nay: Xóm M, xã Y, huyện Đ1, tỉnh H1; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Quang C; trú tại: Thôn Đ, xã D, huyện V, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16-4-2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lương Thị D trình bày:

Chị D và anh C kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện V, thành phố H năm 2014. Quá trình chung sống giữa vợ chồng, có

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm, về tính cách nên đã sống ly thân mỗi người một nơi và không còn quan tâm, trách nhiệm đối với nhau. Nay, Chị D cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh C theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Có 02 con là Trần Quang Bảo Nam, sinh ngày 22-4-2015 và Trần Quang Bảo Việt, sinh ngày 16-01-2017. Ly hôn, Chị D đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Việc cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Quang C xác nhận việc kết hôn và quá trình chung sống vợ chồng giữa anh C và Chị D có phát sinh mâu thuẫn như Chị D trình bày là đúng. Nay Chị D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh C không đồng ý ly hôn với Chị D.

Về con chung: Anh C xác nhận vợ chồng có 02 con là Trần Quang Bảo Nam, sinh ngày 22-4-2015 và Trần Quang Bảo Việt, sinh ngày 16-01-2017. Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Việc cấp dưỡng nuôi con, anh C không yêu cầu Chị D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng; về việc thu thập chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát; việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự tại phiên tòa đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 147, 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho chị Lương Thị D ly hôn anh Trần Quang C. Về con chung: Giao con Trần Quang Bảo Nam và Trần Quang Bảo Việt cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với bị đơn. Do đó, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn có địa chỉ tại Thôn Đ, xã D, huyện V, thành phố H. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của Nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn chị Lương Thị D vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Trần Quang C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên toà lần thứ hai nhưng vắng mặt và không có căn cứ xác định việc vắng mặt của bị đơn là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị D kết hôn với anh Trần Quang C trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Dũng Tiến, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 66 ngày 20-8-2014. Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa Chị D và anh C là hợp pháp.

[4] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị D cho rằng quá trình chung sống giữa Chị và anh C có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên có bất đồng về quan điểm, về tính cách nên giữa vợ chồng không có sự yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và đã sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan tâm, trách nhiệm đối với nhau. Về phía anh C cũng xác nhận quá trình chung sống giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng không đồng ý ly hôn với Chị D. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, cả Chị D và anh C đều không thiện chí và không có biện pháp gì cụ thể để khắc phục mâu thuẫn giữa vợ và chồng. Qua đó đánh giá rằng, mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị D và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc

Chị D yêu cầu ly hôn với anh C là có căn cứ, phù hợp với thực tế và phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị D và anh C có 02 con là Trần Quang Bảo Nam, sinh ngày 22-4-2015 và Trần Quang Bảo Việt, sinh ngày 16-01-2017. Hiện nay cả hai con chung đều đang sống cùng anh C tại Thôn Đ, xã D, huyện V, thành phố H. Trường hợp ly hôn, Chị D đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung cho anh C nuôi dưỡng; còn anh C có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung. Thấy rằng, việc giao con chưa thành niên cho bố hoặc mẹ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn phải bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con. Do vậy, giao con Trần Quang Bảo Nam và Trần Quang Bảo Việt cho anh C nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế, phù hợp nguyện vọng của các bên và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5.1] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nguyên đơn chị Lường Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Lường Thị D được ly hôn anh Trần Quang C.
2. Về nuôi con chung: Giao con Trần Quang Bảo Nam, sinh ngày 22-4-2015 và Trần Quang Bảo Việt, sinh ngày 16-01-2017 cho anh Trần Quang C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con, các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lương Thị D phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017626 ngày 31-5-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn đều có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Bảo;
- UBND xã Dũng Tiến, huyện Vĩnh Bảo;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đinh Hữu Hường